ĐẠO PHẬT NGUYÊN THUỶ
VÀ ĐẠO PHẬT TRONG BẢN LĨNH DÂN TỘC

Trần Xuân An

(khởi viết từ 16 : 30, 23-12 HB7)

Đạo đức học phổ quát
Đạo đức học thực tiễn
Bản lĩnh và sức mạnh dân tộc đã tạo nên một cốt cách Phật giáo Việt Nam

1

Khi đi đến với Phật giáo, chắc chắn từ nghìn xưa tổ tiên, cha ông chúng ta không khỏi những băn khoăn, thao thức và chọn lựa. Sự chọn lựa một phần do thực trạng lịch sử quy định. Trước khi tầng lớp nho sĩ hình thành, tinh hoa trí thức của dân tộc chính là những cao tăng Phật giáo. Các cao tăng ấy đã đảm nhiệm những công việc của nhà ngoại giao, cố vấn chính trị.

Văn học ít nhiều đã thể hiện điều đó. Ngoài những bài thơ, áng văn đậm đà, thẳm sâu thiền vị, không phải không có những trang văn chương chan chứa chất liệu đời thực, đặc biệt là những thiên cổ hùng văn, ngợi ca chiến tranh chính nghĩa.

Nhưng lịch sử còn là một tiến trình, không đứng yên.

Đến đời Hậu Lê, trong tâm tư của từng con người cụ thể, chúng ta còn thấy nỗi niềm thể hiện qua một số bài thơ của kẻ sĩ thể hiện ý thức hướng mạnh về Nho giáo, một triết thuyết nặng về hình nhi hạ (chính trị - xã hội), đồng thời ít nhiều phê phán Phật giáo ở khía cạnh yếm thế.

Ở bình diện bao quát, rõ ràng sử kí dân tộc Việt Nam đã ghi nhận sự đóng góp to lớn của Phật giáo từ đời Trần trở về trước, và nổi bật nhất cũng chỉ trong thời kì đó. Từ đỉnh cao Lý - Trần, suốt hai triều đại ấy, Phật giáo xác lập vai trò độc tôn của chính mình, tạo nên những chiến công hiển hách vào loại bậc nhất (kể từ thời vua Hùng dựng nước đến nay), để rồi sau đó, rõ nhất là từ thời Hậu Lê, Phật giáo không còn giữ được địa vị như trước trong tiến trình lịch sử Việt Nam.

Đến triều Nguyễn, rõ ràng vận mệnh của dân tộc đã hoàn toàn được phó thác vào bàn tay kẻ sĩ Nho giáo. Chính vua Tự Đức cũng như hầu hết triều thần đều cho rằng "đam mê Phật giáo" chỉ khiến quan quân kém khí thế. Tự Đức có lần bảo: Triết thuyết *"Phật giáo hư vô, mù mịt, có cảm cách hay không, không bởi đâu mà biết được; trẫm từ trước đến nay cũng không tin; chỉ hết lòng ta, mong cho trung hồn được siêu bạt để giúp nước được trị yên lâu dài";* rồi nhà vua *"mới sai làm đàn bạt độ*

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

ở chùa Linh Mụ, lấy ngày trung nguyên khai kinh, tế chung các tướng sĩ chết trận ở Nam Kì, Bắc Kì từ năm thứ nhất (1848) đến nay" (1).

Ngoảnh lại như vậy, và nêu vấn đề như vậy, bởi chúng ta nhìn nhận lịch sử theo hướng chính trị, quân sự. Trong thực tế lịch sử, với cái nhìn toàn diện, không thể không thấy Phật giáo luôn luôn sống trong mạch sống văn hoá dân tộc, một mạch sống chưa hề đứt đoạn.

Tuy nhiên, mặt khác, khi nói như vậy, thực sự là đã bày tỏ một vấn nạn nào đó. Nói cách khác, một dấu hỏi không nhỏ đã neo vào tâm trí chúng ta.

2

Mở ra những trang kinh điển Phật giáo, trên kệ sách hay trên mạng liên thông toàn cầu, người đọc không thể không thấy những dòng chữ ghi nhận một sự kiện gây ra nhiều vướng mắc trong cuộc đời hành đạo của Đức Phật. Đó là việc dòng họ Thích Ca, bộ tộc của Người, và kinh đô Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) bị tiêu diệt và bị phá huỷ. Câu chuyện có tên là *"Vidùdabha tru diệt dòng Thích Ca"* hay các đầu đề khác tương tự như vậy, trong *"Tích truyện Pháp Cú"* (2). Mẫu chuyện ấy có đoạn:

"Nhớ lại thù xưa, vua Lưu Ly (Vidùdabha – TXA. chua thêm) *dẫn một đoàn quân ra khỏi thành cốt giết cả dòng họ Thích (Sakiyas – ct.).* ***Thế Tôn quan sát thế gian vào buổi sáng, thấy thân tộc sắp bị tiêu diệt, có ý muốn bảo vệ*** *(TXA. nhấn mạnh). Ngài đi khất thực, trở về nằm nghiêng bên phải như sư tử trong hương thất. Chiều, Ngài bay lên trời và ngồi xuống một gốc cây trơ trọi, ít bóng mát, trong vùng lân cận Ca-tỳ-la-vệ. Cách đó không xa, có một cây đa thật to, bóng mát che rợp, nằm ở bên biên giới của vương quốc Lưu Ly. Vua Lưu Ly ngạc nhiên tại sao Thế Tôn không ngồi dưới bóng mát cây đa khi trời quá nóng bức, bèn hỏi Thế Tôn và được Ngài trả lời:*

- Đừng lo lắng! Đại vương! ***Bóng mát của thân bằng quyến thuộc làm Ta mát mẻ****.*

Vua biết ý Thế Tôn muốn che chở dòng họ nên đảnh lễ Ngài, quay về Xá-vệ. Thế Tôn cũng đứng lên bay về Kỳ Viên.

Lòng thù hận họ Thích vẫn chưa nguôi ngoai, vua lại ra đi ***lần thứ hai****. Thấy Thế Tôn còn ở chỗ cũ, vua đành quay về.* ***Lần thứ ba cũng vậy****.* ***Đến lần thứ tư, Phật quán sát thấy rõ hành động quá khứ của dòng họ Thích là đã ném thuốc độc xuống sông; biết không thể ngăn chặn được quả báo nên Ngài không đi đến gốc cây trơ trọi nữa****. Thế là vua Lưu Ly với binh lực hùng hậu mặc tình tiến tới.*

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

***Thân tộc của Thế Tôn giữ giới nên không giết hại kẻ thù mình, họ thà chết hơn đoạt mạng sống kẻ khác**. Họ mặc giáp lên đường chiến đấu, hy vọng dùng tài ba của mình khiến kẻ địch bỏ chạy. Những xạ thủ tài giỏi họ Thích khéo léo điều khiển mũi tên bắn xuyên qua khiên và kẽ hở lỗ tai, mà không trúng ai cả. Vua Lưu Ly thấy tên bay không tin rằng họ Thích giữ lời hứa không sát hại kẻ thù, nhưng khi đếm lại số người của mình còn nguyên, ông mới hết nghi ngờ. Tuy vậy ông vẫn ra lệnh bộ hạ giết hết họ Thích, trừ những người theo Thích Mahànamà.*

Họ Thích đứng trên đất của mình, không còn biết cách xoay sở nào khác nên một nhóm ngậm lá cỏ trong răng, nhóm khác cầm lau sậy chực sẵn. Khi được hỏi có phải họ Thích Sàkiyas không, thì họ trả lời hoặc không phải Sàka (rau) mà là cỏ, hoặc không phải Sàka (rau) mà là sậy. Nhờ vậy, hai nhóm này thoát chết. Sau, những người cầm lau sậy có tên là Thích-lau. Vì chữ sàka (rau) có âm tương tự chữ Sàkiyas (Thích) nên họ nói trớ để khỏi phạm giới vọng ngữ. Vua Lưu Ly chỉ tha những người đi theo Thích Mahànamà, ngoài ra trừ tiệt hết họ Thích không chừa đứa trẻ nằm nôi. Vua Lưu Ly đã gây ra một dòng sông máu, lau chỗ ngồi của mình bằng máu phun từ cổ họ Thích"...

*... "Dư luận xôn xao về việc họ Thích bị tàn sát và cho đó là bất công. **Đức Phật giải thích là không phải bất công nếu biết nghiệp quá khứ, vì kiếp trước họ đã âm mưu ném thuốc độc xuống sông**. Các Tỳ-kheo cũng lại bàn tán trong Pháp đường, Phật liền dạy:*

- Các Tỳ-kheo! Trong lúc các chúng sanh này lo thỏa mãn tham vọng của họ, Diêm vương cắt ngắn mạng sống của họ và ném họ vào bốn biển phiền não, giống như lũ lụt cuốn trôi ngôi làng đang say ngủ.

Và Ngài nói Pháp cú:

[Bài thứ 47]

Người nhặt các loại hoa,
Ý đắm say, tham nhiễm,
Bị thần chết mang đi,
***Như lụt trôi làng ngủ**".*

(http://www.quangduc.com/kinhdien/264tichphapcu04.html) (2)

Ở một dị bản khác, có đoạn ghi rõ hơn sự quả báo mà vua quan Lưu Ly (Vidùdabha) phải lãnh nhận:

"Khi đến sông Acìravatì thì trời vừa tối. Ngài [Vidùdabha] truyền an dinh hạ trại, vì nghiệp tru diệt dòng Thích Ca quá nặng, bởi phần đông dòng Thích Ca là Thánh nhơn, đắc tứ Tu-đà-hườn hay Tu-đà-hàm, nên những người háo sát giết càng

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

nhiều tội càng nặng. Nên nghiệp khiến cho những người ấy nóng nảy xuống ngủ gần mé sông, còn những người ít sát hại lại lên ngủ ở triền núi. Đến khuya nước thủy triều dâng lên mạnh, những người ngủ mê ở mé sông bị nước cuốn trôi đi và chết hết, trong những người ấy có cả đức vua Vidudabha".

(http://www.buddhismtoday.com/viet/phatphap/phattocodam13c.htm) (2)

Kinh Pháp cú – Bài 47
http://www.paliviet.com/phapcukinh/dhammapada.htm

Tiếng Pali:

047. Pupphāni heva pacinantaṃ ,
byāsattamanasaṃ naraṃ ,
suttaṃ gāmaṃ mahoghova ,
maccu ādāya gacchati .

Tiếng Anh:

047. The man who gathers flowers (of sensual pleasure),
whose mind is distracted,
death carries off
as a great flood sweeps away a sleeping village.

Tiếng Việt:

047. Người nhặt các loại hoa,
Ý đắm say, tham nhiễm,
Bị Thần chết mang đi,
Như lụt trôi làng ngủ.

Hình minh hoạ (3)

Còn nhà nghiên cứu Đức hiện nay, H.W. Schumann, tác giả cuốn *"Đức Phật lịch sử"* (The Historical Buddha, 1982) (4), viết lại như thế nào về sự kiện ấy?

"*Thời cơ nay đã đến. Vua Vidùdabha cầm đầu quân đội khởi hành tiến về hướng đông, nhưng đình hoãn tấn công Kapilavatthu khi đức Phật xin vua này dung tha mạng dân chúng. Người ta phỏng đoán bậc Đạo Sư lão thành cố ngăn chặn vua Vidùdabha lần thứ hai, lần thứ ba, nhưng rồi nhà vua không bị kiềm chế mãi được*

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

nữa. Nhà vua chiếm lấy Kapilavatthu, và ra lệnh xử tử hình mọi công dân đến tuổi quân dịch. Cuối cùng ông phóng hỏa kinh thành, nơi đức Phật từng sống thời hoa niên (nay là Tilaurakot ở Nepal). Việc tiêu diệt thành Kapilavatthu có lẽ xảy ra năm 485 hoặc 484 trước CN, không lâu trước khi đức Phật diệt độ.

Dĩ nhiên nhiều người dòng họ Sakiya chạy trốn trước khi quân của vua Vidùdabha tiến đến, và họ tìm nơi ẩn náu với các bộ tộc láng giềng thuộc dòng Moriya và Malla. Khi họ nghe tin vua Vidùdabha đã chấm dứt chiến dịch tàn phá và xem việc trả thù đã trọn vẹn, họ trở về từ nơi lưu vong.

Vì nay không còn gì sót lại cổ thành Kapilavatthu (Tilaurakot hiện nay ở Nepal tức là Kapilavatthu I), họ bèn định cư lập nghiệp ở một nơi khác (Pipràvà hiện nay ở Ấn Độ là Kapilavatthu II). Họ gọi nơi này là Mahà-Kapilavatthu (Đại Ca-tỳ-la-vệ) và chính nơi đây, sau lễ trà-tỳ (hỏa táng) đức Phật, họ đặt phần xá-lợi của ngài mà họ được hưởng vào một bảo tháp".

(http://www.quangduc.com/DucPhat/35dpls-06b.html) (4)

Schumann không viết thêm một chữ nào về việc quan quân vua Vidùdabha bị quả báo nhãn tiền: bị lũ lụt cuốn trôi, dìm chết. Ông còn buông ra một câu, chẳng khác nào trách Đức Phật không yêu dân tộc mình, Tổ quốc mình, trong đó có kinh đô Kapilavatthu (Ca-tì-la-vệ):

"Theo thông lệ trong hơn hai mươi năm qua, đức Phật an cư mùa mưa năm 485 trước CN tại Sàvatthi. Ngài không xem cơn cuồng nộ của Đại Vương Vidùdabha tàn phá bộ tộc Sakiya vừa qua có liên hệ đến ngài".

(http://www.quangduc.com/DucPhat/35dpls-07.html) (4)

Nhưng kinh điển *"Pháp cú"*, một văn bản có giá trị như sử liệu gốc, ở bài 47, đã nói lên điều đó: quan quân vua Vidùdabha *"bị thần chết mang đi, như lụt trôi làng ngủ".* Sở dĩ có thể nói vậy, bởi lẽ, ở "Phẩm Hoa" của kinh "Pháp cú", sự thật lịch sử trên là câu chuyện kể minh hoạ cho một khái niệm đạo đức học được diễn đạt bằng ngôn ngữ thể *kệ* thuộc loại hình thơ ca. "*Cơn lụt lớn"* là cái so sánh trong tương quan với cái được so sánh là *"tử thần"* trong bài kệ có chủ đề phê phán *"người mải mê hái hoa dục lạc"* nói chung, nhưng phải hiểu rằng sự thật lịch sử trong *"Vidùdabha tru diệt dòng Thích Ca"* có kết thúc là phe Vidùdabha cũng bị tiêu diệt bởi lũ lụt là cái minh hoạ (cái so sánh) ắt phải có. Nếu lấy bài kệ làm chuẩn cứ, thì việc xác định dị bản có kết thúc – phe Vidùdabha cũng bị tiêu diệt bởi lũ lụt – là dị bản đầy đủ, chính xác hơn, không phải là khó. Nói cách khác, phải kể câu chuyện *"Vidùdabha tru diệt dòng Thích Ca"* đầy đủ chi tiết (có lũ cuốn), mới có thể đi đến việc gút lại, khái quát hoá thành bài kệ trên. Xin đọc lại, với bản dịch khác:

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

http://tranxuanan.writer.googlepages.com

Người mải mê hái hoa dục lạc,
Bị Tử thần đến bắt mang đi;
Như cơn lụt lớn, khác gì,
Cuốn phăng làng xóm ngủ khì, say mê.

(Kệ số 47)

(http://zencomp.com/greatwisdom/uni/u-kinh-phapcu-ev/pcthn-01.htm) (5)

Trở lại với vấn đề chính: Rõ ràng, với những dòng chữ được in đậm (nhấn mạnh) bên trên (quangduc. com), chúng ta thấy Đức Phật đã ba lần quyết tâm can ngăn Vidùdabha để cứu lấy bộ tộc Sakiyas (Thích Ca) của mình. Nhưng chính những dũng sĩ bộ tộc Thích Ca đã bị giáo quy của Người nhiếp phục từ lâu. Họ chỉ bắn cung tên để hù doạ bước chân lũ bạo ngược. Chấp nhận bị quân cường bạo ấy tiêu diệt, tàn phá, họ không thực sự kháng chiến, bởi họ không đành sát sanh! Để rồi sau khi bộ tộc Sakiyas bị tiêu diệt, kinh đô Kapilavatthu (Ca-tì-la-vệ) tàn phá gần hết, và đến khi chính quân chiến thắng của Vidùdabha cũng như chính y bị nước lũ cuốn trôi, Đức Phật mới lí giải bằng luật nhân quả. Đó là nhân quả siêu hình nhưng rất nhãn tiền.

Dẫu sao thì chính dòng họ, bộ tộc của Đức Phật cũng đã bị tru diệt!

Vấn đề là ở chỗ này đây!

3

Có thể đứng ở nhiều góc độ khác nhau, cho dù với quan điểm duy tâm, siêu hình hay duy vật, biện chứng, hữu thần hay vô thần, chắc chắn chúng ta đều phải công nhận rằng Tứ diệu đế là một chân lí phổ quát và vĩnh hằng. Chân lí hình như bao giờ cũng rất đơn giản, thậm chí có vẻ như sơ đẳng. Chân lí được cô đọng trong những từ ngữ ngắn gọn: *Khổ (Dukkha), Nguồn gốc của Khổ (Samudaya), Khổ Diệt (Nirodha), Đường đưa đến Khổ Diệt (Magga).* Và con đường đưa đến Khổ diệt ấy chính là Bát chánh đạo: *Chánh Kiến (Sammà-Ditthi), Chánh Tư duy (Sammà-Sankappa), Chánh Ngữ (Sammà-Vàcà), Chánh Nghiệp (Sammà-Kammanta), Chánh Mạng (Sammà-Àjìva), Chánh Tinh tấn (Sammà-Vàyàma), Chánh Niệm (Sammà-Sati), Chánh Định (Sammà-Samàdhi).*

Một trong những khổ đau lớn lao và triền miên của con người, đó là chiến tranh. Nguồn gốc của chiến tranh cũng có chung một căn nguyên với bao nỗi khổ đau khác. Nguồn gốc đó, không gì khác hơn, cũng chính là tham sân si hay dục vọng và vô minh. Khi bàn đến dục vọng và vô minh ở bình diện khái quát nhất, tất nhiên Đức Phật cũng đã bao gồm cả nguồn gốc của mọi cuộc chiến tranh. Giả định như mọi vị vua chúa ngày xưa, tất thảy các nhà lãnh đạo hiện nay đều quyết tâm tự diệt dục và diệt ngu tối (tự tiêu trừ, tự chế ngự được tham sân si và thoát khỏi mê

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

lầm), thực hành bát chánh đạo, chắc hẳn nhân loại không có và không còn phải lâm vào cảnh máu đổ thịt rơi cùng bao hậu quả thảm khốc lâu dài khác (cho dù họ không tôn thờ Phật, không niệm Phật). Nói cách khác, khi nói đến diệt dục là đã bao gồm cả diệt mộng xâm lăng, bóc lột, nô dịch dân tộc khác; nghĩa là không còn chiến tranh xâm lược; và do không còn chiến tranh xâm lược, nên cũng không còn chiến tranh chống xâm lược. Đơn giản, sơ đẳng là thế!

Trường hợp Vidùdabha (Tì Lưu Ly) kéo quân tiêu diệt thị tộc Sakiyas (Thích Ca), có nguyên nhân là mối thù cha bị lừa gạt và bản thân bị khinh bỉ, dẫn đến căm phẫn (sân), tàn ác (tạo nghiệp ác). Nhưng đâu phải thị tộc Sakiyas không có lỗi lừa gạt và khinh bỉ cha con Vidùdabha! Hơn nữa, thị tộc Sakiyas đã đánh thuốc độc xuống dòng sông, tiêu diệt thuỷ sản và làm nguồn nước trở nên đầy ắp độc tố! Đây là một chuỗi nhân – quả, quả – nhân mà hậu quả cứ nhân lên. Nếu là thẩm phán xét xử tội phạm chiến tranh, chúng ta chắc hẳn phải thấy cả hai phe đều phi nghĩa, đều là tội phạm phải chịu lãnh án. Đức Phật là một thẩm phán, tiếng nói công lí Người cất lên không thể thiên vị, cho dù thị tộc Sakiyas là thân tộc của Người, Kapilavatthu là kinh đô của dòng họ thân phụ Người.

Mặc nhiên và hiển nhiên Đức Phật chống chiến tranh xâm lược.

Cũng mặc nhiên và hiển nhiên Đức Phật thể hiện công lí, công bằng, không thiên vị.

Xét trên nền tảng đạo đức học phổ quát và trên căn bản công lí chung là như thế.

Chỉ có một khía cạnh chúng ta không thể không thắc mắc. Nếu xét cho tận cùng, phải quy tội vào cá nhân vua Vidùdabha và một số người có vai vế cùng tộc trưởng thị tộc Sakiyas mà thôi, còn binh lính và nhân dân hai bên chỉ là nạn nhân u mê sân hận hay bị cưỡng bức gia nhập quân đội. Như thế, sao phần lớn họ đều bị luật quả báo trừng phạt gần như giống nhau? Thật ra, ngay bản thân "luật nhân quả" cũng không phải không ít nhiều vô minh. Và thật ra, truyện tích ấy chỉ là một văn bản được viết lại một cách quá ngắn ngọn, như một bản tin báo chí không trần thuật hết được mọi chi tiết của một bản cáo trạng dài dằng dặc!

4

Dẫu sao, khi vận dụng đạo đức học vào thực tiễn, đặc biệt là trong trường hợp bảo vệ sự sống còn của dân tộc, không phải cách ứng xử của Đức Phật trong tích truyện (tôi nhấn mạnh, Đức Phật trong tích truyện, để khỏi mang tiếng phạm thượng) vẫn có gì đó không được thoả đáng.

Rõ ràng tích truyện đã ghi rõ, không những một mà đến ba lần Đức Phật đích thân hoà giải, đích thân ngăn chặn bước tiến quân trả thù của Vidùdabha. Người còn bày tỏ lòng yêu thương tự nhiên, ý thức bảo vệ tự nhiên chính thị tộc của mình: *"**Bóng mát của thân bằng quyến thuộc làm Ta mát mẻ**"*.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Nhưng chính vì một trong những giáo quy chính yếu của Người, không sử dụng bạo lực chiến tranh để tự vệ, không chiến đấu buộc kẻ thù phải đổ máu (không sát sanh), đã dẫn đến sự thua trận tất yếu của bộ lạc thị tộc Sakiyas, đến nỗi gần như tuyệt tộc, tiệt chủng. Và cũng chính vì Đức Phật và giáo đoàn của Người không hoà giải bằng bạo lực chiến tranh! Nói rõ hơn, trong trường hợp Vidùdabha – Sakiyas, Đức Phật phải kêu gọi một nước thứ ba đứng ra dùng bạo lực quân sự đánh dẹp cả hai phe (tiên liệu và bảo đảm trước là nước thứ ba này không nhân đó mà chớp thời cơ xâm lược như kinh nghiệm lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới cho thấy), hoặc ***tốt nhất*** là chính giáo đoàn của Người phải đảm nhiệm vai trò nước thứ ba ấy với tư cách là một tổ chức có quân lực như Liên hiệp quốc. Và bước cuối cùng, sau khi dập tắt được chiến tranh, phải mở phiên toà xét xử tội phạm chiến tranh thuộc cả hai phe, và chắc chắn số tội phạm phải bị án tử hình không nhiều, không một bên nào bị rơi vào tình trạng gần như tuyệt tộc, tiệt chủng.

5

Khi đi vào tâm linh cùng tất cả mọi mặt trong đời sống của dân tộc, Phật giáo đã tiếp nhận được phẩm chất đề kháng, tự bảo vệ sự sống còn của dân tộc, sự toàn vẹn lãnh thổ, sự phát triển của quốc gia của của một đất nước trải qua các "tên gọi", các quốc hiệu: ... Giao Chỉ bộ – Vạn Xuân – Đại Cồ Việt – Đại Việt – Việt Nam (6). Tôi nhớ không lầm, ai đó đã từng nói, suốt hơn 2.500 năm nay, trong các quốc gia có sự hiện diện của Phật giáo, chỉ có một Phật giáo Việt Nam là tạo được những chiến công hiển hách không những thuộc loại bậc nhất của đại gia đình dân tộc Việt Nam (gồm nhiều nhân tộc) mà của cả nhân loại. Việt Nam là nước duy nhất trên thế giới đánh bại đến ba lần đế quốc Nguyên – Mông, một đế quốc hung bạo nhất thế giới, vào thế kỉ XIII. Công lao đó của Nhà Trần và của dân tộc Việt nhưng cũng chính là công lao của Phật giáo Việt Nam. Đó là chưa kể trước đó, thời Tiền Lê, thời Lý, công lao của Phật giáo Việt Nam nổi bật qua những chiến công hiển hách trong sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền lãnh thổ trước các cuộc ngoại xâm từ phía Bắc (Trung Hoa), từ phía Nam (Chiêm Thành).

Quá trình gắn bó của Phật giáo Việt Nam với sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia của đại gia đình dân tộc Việt Nam còn kéo dài đến tận hôm nay, mặc dù cuối đời Trần, kẻ sĩ Nho giáo đã đảm nhiệm nhiệm vụ lịch sử thay cao tăng, nhân sĩ Phật giáo. Kể từ thời Hậu Lê, Phật giáo đã rời khỏi vũ đài chính trị, hầu như chỉ chuyên tâm vào đời sống văn hoá, đặc biệt là văn hoá tâm linh, ngày rằm tháng Tết, và các lễ hội đình đài miếu vũ khác. Đó cũng vì thực trạng lịch sử đã phát triển tầng lớp nhà Nho nhập thế với hệ tư tưởng Nho giáo Việt Nam thiên về chính trị, xã hội (hình nhi hạ) theo bản sắc Việt Nam. Đồng thời, mặt khác, đó cũng là sự trở về đúng bản chất của tôn giáo do Đức Phật Thích Cao sáng lập – Người đã từ bỏ ngai vàng (biểu tượng quyền lực chính trị, quân sự, pháp chế) để dấn thân vào con đường cứu nhân độ thế bằng triết học và tôn giáo.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

"Tất Đạt Đa phải rời cung thành Phật
bởi chỉ ngai vàng đâu cứu được con người" (7)
TXA.
"cũng như La Hán Tây Phương
thiền sư ra trận, "xuống đường" đó thôi" (7)
TXA.

Quá trình gắn bó của Phật giáo Việt Nam với sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia của đại gia đình dân tộc Việt Nam vẫn thể hiện nhất quán xuyên suốt các triều đại, các thời kì, các giai đoạn lịch sử như thời vua Lê chúa Trịnh, thời Trịnh Nguyễn phân tranh, triều đại Nguyễn trong sự nghiệp chống Pháp, trong thời Pháp thuộc và thời chia cắt Đất nước 1954-1975 trước những thế lực quốc tế thuộc loại đế quốc, bành trướng bá quyền như Mỹ, Trung Quốc. Đó là chưa kể đến quá trình chưa được ghi vào sách sử: quá trình chọn lọc và đề kháng ngấm ngầm văn hoá Phương Tây (Pháp - Mỹ - Xô).

Tất nhiên lịch sử Phật giáo Việt Nam vẫn có một ít trang không tươi đẹp, nhưng nhìn chung là cả một pho sử bằng vàng đáng trân trọng.

Dẫu sao, tôi vẫn ao ước có một Phật giáo Việt Nam mang đậm bản sắc và bản lĩnh Việt Nam hơn nữa (chẳng hạn như không tụng niệm hoàn toàn bằng âm Hán - Việt, âm Palì [Ấn Độ], Sanskrit [Phạn], không dùng chữ Hán, trong các nghi lễ, ngay cả chữ Hán trong trang trí...). Và cùng với các hệ giáo thuyết ngoại nhập khác, Phật giáo Việt Nam luôn luôn là sức mạnh hậu thuẫn hùng hậu của những con người Việt mang tư tưởng Việt thuần tuý, trong mọi địa hạt, lĩnh vực.

Đại gia đình dân tộc Việt Nam phải tự hào về chính những giá trị mang đậm bản sắc Việt Nam, thuần tuý sáng tạo Việt Nam, trước khi tự hào về những giá trị ngoại nhập cho dù đã được Việt hoá.

Viết xong lúc 16 : 55', ngày 24-12 HB7

Trần Xuân An

---

(1) Quốc sử quán triều Nguyễn, *"Đại Nam thực lục, chính biên"*, tập 34, Nxb. KHXH., 1976, tr. 135 – 136. Có thể xem tại:

http://tranxuanan.writer.googlepages.com/phu_cdtnvtuong_tep7.htm

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

(2) Theo lời nói đầu của Thiền viện Viên Chiếu (bản sách giấy, 1995) và lời dẫn nhập của tác giả bản tiếng Pali:

Bản gốc cuốn sách chú giải kinh *"Pháp cú"* được lưu truyền ngàn xưa qua nhiều thế hệ trên đảo Tích Lan (Ceyland, nay là đảo quốc Sri Lanka), vốn viết bằng thổ ngữ, chưa rõ tác giả, được trưởng lão Kumàra Kassapa lưu giữ với ước nguyện truyền bá rộng rãi. Theo tương truyền, Buddhaghosa (Phật Âm), sống vào khoảng thế kỉ thứ V thuộc công nguyên Tây lịch, đã viết lại từ bản thổ ngữ Sri Lanka thành bản tiếng Pali với sự nhuận sắc ở một mức độ nhất định. Bản tiếng Pali này có tên sách là *"Pháp cú sớ giải"* (*Dhammapada Commentary*).

"Pháp cú sớ giải" (*Dhammapada Commentary*) được học giả Eugène Watson Burlingame dịch ra Anh ngữ, có nhan đề là *"Buddhist Legends"*. Tập *"Tích truyện Pháp cú"* tiếng Việt này (dịch giả?) chính là bản dịch từ bản tiếng Anh kia.

(Theo nguồn: Web BuddhaSasana &
http://www.thuvienhoasen.org/tichtruyenphapcu-00.htm)

Hai đoạn trích dẫn *"Tích truyện Pháp cú"* trong bài viết thuộc hai webs: Web Quảng Đức và Web Đạo Phật ngày nay (xem links đã dẫn):

http://www.quangduc.com/kinhdien/264tichphapcu04.html

http://www.buddhismtoday.com/viet/phatphap/phattocodam13c.htm

(3) Hình ảnh chữ và tranh do Trần Xuân An thực hiện (bấm vào để xem hình ảnh lớn hơn):

http://tranxuanan.writer.3.googlepages.com/kinh-phap-cu_bai-47.jpg

theo nguồn: Web Pali-Việt:

http://www.paliviet.com/phapcukinh/dhammapada.htm

Tác giả bài viết (tôi: TXA.), nhận thấy có thể đưa ra thêm một cách lí giải khác như sau:

Căn cứ vào lời Đức Phật giải thích cho các tì kheo: "*Các Tỳ-kheo! Trong lúc các chúng sanh này lo thỏa mãn tham vọng của họ, Diêm vương cắt ngắn mạng sống của họ và ném họ vào bốn biển phiền não, giống như lũ lụt cuốn trôi ngôi làng đang say ngủ",* chúng ta có thể hiểu *"các chúng sanh này [ấy]"* chính là quan quân Vidùdabha; chúng đang say sưa "hái hoa" (hoa là các cô gái Sakiyas bị bắt làm "chiến lợi phẩm" – loại "chiến lợi phẩm" này và cách "ăn mừng chiến thắng" ấy, chúng ta thường gặp trong các tác phẩm viết về thời cổ đại, trung đại) –, thì ngay lúc đó, tử thần Diêm vương đã cho dâng tràn sóng nước để giết chúng *"như lũ lụt cuốn trôi ngôi làng đang say ngủ".*

Nếu theo cách lí giải này, bài kệ trên chính là văn bản diễn tả trực tiếp hành vi ăn mừng chiến thắng trên của quan quân Vidùdabha và cái chết bị lũ cuốn của chúng (tử thần đã *"ném họ vào bốn biển phiền não"*). Như vậy, "*bốn biển phiền não"* là hình ảnh tả thực (bốn biển) đồng thời là hình ảnh ẩn dụ bán phần *(bốn biển phiền não)*; còn "*lũ lụt cuốn trôi ngôi làng đang say ngủ"* chỉ là cái so sánh mà thôi.

(4) H. W. Schumann, *"Đức Phật lịch sử"* (1982), M. O'C. Walshe dịch ra tiếng Anh (1987), Nguyên Tâm Trần Phương Lan dịch ra tiếng Việt (1997); Web Quảng Đức và Web Việt Nam thư quán:

http://www.quangduc.com/DucPhat/35dpls-00.html

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

http://vnthuquan.net/truyen/truyentext.aspx?tid=2qtqv3m3237nnnvnvnnn31n343tq83a3q3m3237nvn

(5) Web BuddhaSasana (bản dịch kệ, lược dịch tích truyện và bản vi tính của Thiện Nhựt):

http://zencomp.com/greatwisdom/uni/u-kinh-phapcu-ev/pcthn-01.htm

(6) Xem thêm một số bài thơ Đường ghi nhận sự hiện diện của Phật giáo Việt Nam từ thời cổ đại:

http://tranxuanan.writer.googlepages.com/suy_nvmsvdtlscdnta_b9.htm

(7) Trần Xuân An, bài *"Cho mình và cho nhau"*, trong *"Nắng và mưa"*, tập thơ của tác giả, Hội VHNT. Quảng Trị, 1991, tr. 50 :

http://tranxuanan.writer.googlepages.com/nang_vmua

TXA.

Ghi chú:

1. Phần 1 được viết xong, thực hiện thành tệp pdf. vào lúc chiều tối ngày 23-12 HB7 (14-12 Đinh hợi HB7). Sáng 24-12 HB7, lúc 07 : 30, 23-12, tôi đã sửa chữa, bổ sung thêm; lúc 9 : 11', thực hiện thành tệp pdf..

2. Đây là trọn vẹn bài viết (gồm cả phần 1), được thực hiện thành tệp pdf. vào lúc 15 : 14', 24-12 HB7 (15-11 Đinh hợi HB7).

3. Có trau chuốt, bồi đắp thêm một số câu chữ nhưng không làm thay đổi về nội dung, lúc 9 : 03', 25-12 HB7 (16-11 Đinh hợi HB7).

4. Thực hiện chú thích và thực hiện lại bản pdf.: 07 : 10' – 08 : 30', ngày 26-12 HB7.

5. 27-12 HB7

Trân trọng.
TXA.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com